ỦY BAN DÂN TỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /TTr-UBDT	
	Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

TỜ TRÌNH
Phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020"

Kính trình: Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 28 tháng 8 năm 2015, Ủy ban Dân tộc có Tờ trình số 22/TTr-UBDT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020". Sau khi xem xét tờ trình và Đề án của Ủy ban Dân tộc, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 8692/VPCP-V.III ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ yêu cầu Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các Bộ, ngành liên quan làm rõ một số nội dung, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Ủy ban Dân tộc chủ động rà soát toàn bộ hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015 và khung hệ thống chính sách giai đoạn 2016-2020 đã trình Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ sửa đổi, bổ sung dự thảo Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020" gửi các Bộ, ban, ngành liên quan lấy ý kiến một lần nữa.

Sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ban, ngành Ủy ban Dân tộc tổng hợp và hoàn thiện lại Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020" theo hướng lược bỏ các nội dung trùng lắp, sắp xếp lại bố cục loogic và bổ sung các nội dung theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Công văn số 8692/VPCP-V.III ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ. Ủy ban Dân tộc trân trọng báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án với nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ vào các Nghị quyết của Đảng: Nghị quyết Trung ương 7 khoá IX về công tác dân tộc (CTDT); Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về Tăng cường đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 4/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020; căn cứ Báo cáo rà soát chính sách dân tộc (CSDT) giai đoạn 2011 - 2015 và Khung hệ thống CSDT giai đoạn 2016 - 2020; UBDT bổ sung và hoàn thiện Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN giai đoạn 2016 - 2020".

2. Căn cứ thực tiễn:

2.1. Những thành tựu đạt được:

Việt Nam là quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc, trong đó có 53 DTTS, chiếm 14,27% dân số cả nước; sinh sống tập trung tại 52/63 tỉnh, thành phố của cả nước. Những năm qua, cùng với hệ thống CSDT và nguồn lực ưu tiên đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng DTTS&MN, công tác tuyên truyền đường lối, CSDT luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo quyết liệt, nhằm đưa các chính sách vào cuộc sống; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cơ cấu thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa; giá trị văn hoá truyền thống của các DTTS được bảo tồn và phát triển; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường; đảm bảo quyền bình đẳng các dân tộc trên mọi lĩnh vực xã hội; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Xác định công tác tuyên truyền có vị trí quan trọng hàng đầu trong hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chiến lược CTDT; từ thực tiễn vùng DTTS&MN, UBDT và các Ban, Bộ, ngành Trung ương, địa phương đã bám sát các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền có hiệu quả CSDT trên các lĩnh vực xã hội. Những thành tựu đạt được ở vùng DTTS&MN trong thời gian qua đã chứng minh tính hiệu quả của công tác tuyên truyền. Thực hiện CSDT nhất quán của Đảng: "Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Giai đoạn 2011 - 2015, công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN đã đạt được kết quả quan trọng: Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thấu suốt trong đồng bào các dân tộc; làm chuyển biến và nâng cao nhận thức, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; phát huy quyền làm chủ, tăng cường niềm tin và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào các dân tộc; tạo sự đồng thuận xã hội, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nội dung, phương thức tuyên truyền được đổi mới, hình thức phong phú; gắn tuyên truyền đồng bào sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật với "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; tuyên truyền phong trào thi đua yêu nước, gương điển hình tiên tiến trong vùng DTTS&MN. Báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương và địa phương đã nâng cao chất lượng và thời lượng tin, bài tiếng dân tộc. Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền được củng cố, nâng cao về số lượng và chất lượng.

2.2. Những hạn chế, khuyết điểm:

Về nhận thức của một số Bộ, ngành Trung ương, địa phương chưa sâu sắc, chưa toàn diện về CTDT và CSDT, về vị trí chiến lược quan trọng của vùng DTTS&MN trong phát triển đất nước; chưa xác định rõ tuyên truyền CSDT ở vùng DTTS&MN là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó có trách nhiệm của ngành mình. *Về nguồn lực* cho công tác tuyên truyền còn hạn chế, chưa đáp ứng mục tiêu kế hoạch. *Về nội dung tuyên truyền* một số lĩnh vực chất lượng chưa cao; định hướng tuyên truyền CSDT có lúc chưa kịp thời; còn hạn chế trong đấu tranh chống tiêu cực và tham nhũng; chức năng phát hiện, phản ánh

vấn đề phát sinh trong thực tiễn thiếu nhạy bén; chưa phản hồi kịp thời những trùng lặp về địa bàn và đối tượng thụ hưởng, phân công quản lý chính sách còn chồng chéo; nội dung tuyên truyền chưa phù hợp với vùng, miền, tâm lý dân tộc chậm cập nhật thông tin; tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào nâng cao dân trí, khoa học kỹ thuật, công nghệ, kiến thức quản lý kinh tế, pháp luật còn hạn chế. *Về tổ chức hoạt động tuyên truyền* chủ yếu mang tính một chiều từ trên xuống; chưa chú trọng đối thoại. *Về hình thức tuyên truyền* chưa kết hợp chặt chẽ; chất lượng tuyên truyền miệng chưa cao; hình thức sinh hoạt cộng đồng, chi hội, câu lạc bộ còn hạn chế; phương tiện thông tin còn bất cập; thư viện, nhà văn hóa, sách báo còn thiếu; các hình thức trực quan như khẩu hiệu, panô... còn hạn chế. Tuyên truyền bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc còn bất cập, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục...; ở một số nơi còn tồn tại các hủ tục lạc hậu chưa được giải quyết. *Cán bộ tuyên truyền* chưa thực hiện tốt phong cách công tác: "Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân". *Công tác phối hợp tuyên truyền* giữa các Bộ, ngành, địa phương trong xây dựng đề án, kế hoạch, tổ chức thực hiện chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ. *Công tác tuyên truyền về quốc phòng an ninh,* nâng cao cảnh giác, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Một số nơi chưa chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, chưa kịp thời giải quyết các vướng mắc ngay từ cơ sở, để xảy ra một số vụ việc nổi cộm.

2.3. Căn cứ từ tình hình thực tiễn vùng DTTS&MN đòi hỏi trong chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước về CTDT cần thiết phải ban hành Đề án:

a) Quản lý công tác tuyên truyền thiếu kiểm tra, đôn đốc thường xuyên.

b) Hoạt động tuyên truyền còn hạn chế ở một số lĩnh vực; chưa kịp thời định hướng và dự báo đối với vùng DTTS&MN. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của đồng bào các dân tộc còn hạn chế.

c) Công tác tuyên truyền hội nhập quốc tế còn hạn chế; Tuyên truyền về phát triển kinh tế còn nặng về hình thức, chưa làm tốt chức năng hướng dẫn "cầm tay chỉ việc" cho đồng bào. Bản sắc văn hoá (ẩm thực, chợ phiên, làng bản...) bị mờ nhạt; tiếng nói, chữ viết của các DTTS chưa được quan tâm phổ biến trong sáng tác, biểu diễn văn học nghệ thuật và thông tin tuyên truyền.

d) Tính đến nay, công tác tuyên truyền chưa có chính sách, chiến lược, chương trình tổng thể; hoạt động còn mang tính thời vụ, chưa có kế hoạch dài hạn về tuyên truyền vùng DTTS&MN. Cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền ở các xã, thôn, bản còn thiếu thốn.

2.4. Những vấn đề đặt ra đối với công tác tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc ở địa bàn 3 khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ:

a) Khu vực Tây bắc:

Tỷ lệ hộ nghèo còn cao 25,86%; còn tập quán du canh, du cư phát nương làm rẫy; cơ sở hạ tầng yếu kém; thiếu nước sinh hoạt; các hủ tục lạc hậu còn tồn tại. Di cư tự do vào Tây Nguyên, sang Lào có chiều hướng phức tạp. Tình trạng bắt cóc, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới với Trung Quốc gia tăng. Tội phạm buôn bán ma tuý khó kiểm soát; Các thế lực thù địch sử dụng đài phát

thanh, mạng internet, tiếng DTTS … xuyên tạc đường lối của Đảng, kích động đồng bào theo đạo, ly khai, lôi kéo di cư sang Lào lập "Vương quốc Mông". Tình hình tôn giáo có nhiều vấn đề nảy sinh, nhất là đạo Tin lành; một số "đạo lạ", "tà đạo" mở rộng ảnh hưởng, nhất là tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Mình, kích động đồng bào chống đối chính quyền, xui giục tái dựng "Nhà đòn". Hệ thống chính trị của một số địa phương còn hạn chế; trình độ, năng lực cán bộ cơ sở còn hạn chế, chưa đủ sức giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh.

b) Khu vực Tây Nguyên:

Tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS chiếm 27,26%; an ninh, chính trị vùng DTTS, tôn giáo, biên giới tiềm ẩn những yếu tố bất ổn. Tây Nguyên là địa bàn di cư đến đông nhất. Về tôn giáo, chủ yếu là đạo Công giáo và Tin lành; Tà đạo "Hà Mòn" hoạt động manh động, do Fulro lợi dụng, với luận điệu "đạo Hà Mòn mới là tôn giáo riêng của người DTTS ở Tây Nguyên"; bọn Fulro kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ly khai, tự trị, nhằm thành lập "Nhà nước Đềga độc lập"; lôi kéo đồng bào biểu tình, bạo loạn; xúi giục đồng bào DTTS bán đất, bán vườn, vay mượn tiền vượt biên trái phép. Ở vùng sâu, vùng xa còn thiếu thông tin, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu, chế độ mẫu hệ, hôn nhân cận huyết thống

c) Khu vực Tây Nam Bộ:

Tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS chiếm 16,47%, riêng đồng bào Khmer còn 17,98%. Một số dịch bệnh xảy ra phức tạp. Một bộ phận đồng bào Khmer sử dụng truyền hình, phát thanh, sách báo, tài liệu từ Cămpuchia. Tình trạng xâm canh, xâm cư, tội phạm xảy ra phức tạp, mâu thuẫn giữa dân 2 bên diễn ra ở biên giới; kích động người dân Cămpuchia quá khích xô sát với dân ta. Tình tình buôn lậu, buôn bán ma tuý và người sang Cămpuchia đánh bạc gia tăng. Tình hình người di cư từ Cămpuchia trở về trên tuyến biên giới ngày càng tăng, đa số là người nghèo, ít hiểu biết về pháp luật. Các thế lực phản động "Khmer Kampuchia Krôm" ở Cămpuchia luôn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, lịch sử vùng đất Nam Bộ, kích động khiếu kiện, gây rối; hậu thuẫn tổ chức "Lễ tưởng niệm ngày mất đất Cămphuchia 4/6". Một số tăng sinh Phật giáo Nam tông Khmer tự đi học ở các nước láng giềng: Thái Lan, Cămpuchia, Myanma, ảnh hưởng đến an ninh chính trị trên địa bàn. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào Chăm nảy sinh vấn đề phức tạp; mâu thuẫn nội bộ Hồi giáo (Bà-ni và Islam), giữa người Chăm theo đạo Công giáo và Tin lành; một số người Chăm đi học đạo giáo tại một số nước Hồi giáo về nước hành đạo. Các chức sắc tôn giáo cực đoan kích động hận thù giữa các dân tộc; nói xấu chính quyền, khiếu kiện đông người; xuyên tạc lịch sử của "Vương quốc Chăm pa"; tập hợp lực lượng và khơi dậy tư tưởng "Phục quốc".

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay ở vùng DTTS&MN nêu trên, đòi hỏi công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý về CTDT rất cần thiết phải ban hành Đề án. Bác Hồ đã dạy: *"Lãnh đạo quan trọng nhất là lãnh đạo tư tưởng, phải hiểu tư tưởng của mỗi cán bộ để giúp đỡ thiết thực trong công tác; vì tư tưởng thông suốt thì làm tốt, tư tưởng nhùng nhằng thì không làm được việc"*; *còn nhiệm vụ công tác tuyên huấn miền núi "Một mặt là làm sao mưu lợi ích cho đồng bào. Một mặt nữa là làm sao tránh được tệ hại cho đồng bào"*. Tăng

cường công tác tuyên truyền thực hiện tốt CSDT là khâu quan trọng hàng đầu trong hệ thống nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về CTDT; làm chuyển biến sâu sắc nhận thức của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương; là động lực tác động đến tư tưởng của đồng bào các dân tộc một cách chủ động, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tạo sự đồng thuận và giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc trong vùng DTTS&MN. Đề án nằm trong khung hệ thống CSDT giai đoạn 2016 - 2020; thuộc danh mục của Chương trình hành động thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020 (Quyết định số 2356/QĐ-TTg) và đã tiếp thu, tổng hợp ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, tại văn bản số 8692/VPCP-V.III, ngày 22/10/2015 của Văn phòng Chính phủ. Đây là Đề án tổng thể, nhằm đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền. Vì vậy, việc xây dựng và thực hiện Đề án *"Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN giai đoạn 2016 - 2020"* là rất cần thiết và đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển nhanh, bền vững vùng DTTS&MN.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quá trình xây dựng dự thảo Đề án, UBDT ban hành Quyết định số 296/QĐ-UBDT, ngày 20/08/2014 về thành lập Ban soạn thảo Đề án gồm các thành viên đại diện các Bộ, ngành Trung ương. Ban soạn thảo Đề án đã thành lập Tổ biên tập Đề án. Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân; đã tổ chức 3 cuộc Hội thảo khoa học và thực tiễn để lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các nhà khoa học, các nhà quản lý và các chuyên gia xây dựng chính sách, góp ý các dự thảo: Đề án, Tờ trình, Quyết định.

Trên cơ sở thực tiễn các địa phương vùng DTTS&MN; rà soát, tổng hợp công tác tuyên truyền về các lĩnh vực xã hội, UBDT đã dự thảo Đề án, gửi xin ý kiến góp ý của các Ban, Bộ, ngành Trung ương, 3 Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và các địa phương. Kết quả đã nhận được 50 ý kiến góp ý của các tổ chức và cá nhân, Lãnh đạo các Vụ, đơn vị trực thuộc UBDT. Tiếp thu, tổng hợp các ý kiến góp ý cho thấy: cơ bản đều đồng thuận cao với dự thảo Đề án. Ngày 28/8/2015, UBDT đã có Tờ trình số 22/TTr-UBDT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng DTTS&MN giai đoạn 2016 - 2020".

Ngày 22/10/2015, Văn phòng Chính phủ đã thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, tại Công văn số 8692/VPCP-V.III; theo đó, UBDT đã nghiêm túc rà soát và khẳng định Đề án không có sự chồng chéo với các đề án chính sách về tuyên truyền của các Bộ ngành; Đề án thuộc khung hệ thống CSDT giai đoạn 2016 - 2020. Trên cơ sở đó, UBDT đã tiếp thu, bổ sung hoàn thiện Đề án: Về sự cần thiết, cơ sở các mục tiêu của Đề án; về mối quan hệ phối hợp giữa UBDT với các Ban chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ và khái toán phần vốn ngân sách nhà nước. *(kèm theo báo cáo giải trình).*

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

1. Tên gọi của Đề án:

Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020".

2. Quan điểm:

2.1. Bám sát đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về CTDT, bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất Đề án từ Trung ương đến địa phương.

2.2. Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN hệ thống, thường xuyên, trọng tâm, trọng điểm, tập trung triển khai các biện pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng vùng, miền; làm cho đồng bào các dân tộc nhận thức đúng và tự giác thực hiện tốt CSDT của Đảng và Nhà nước; đẩy mạnh tuyên truyền phát triển toàn diện vùng DTTS&MN trên các lĩnh vực xã hội.

2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện Đề án tuyên truyền vùng DTTS&MN về CTDT và CSDT.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả tuyên truyền vùng DTTS&MN, nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố lòng tin của đồng bào các dân tộc với Đảng, Nhà nước; tạo sự đồng thuận xã hội, ổn định chính trị, động viên đồng bào các dân tộc tự giác vươn lên thoát nghèo, phát triển nhanh, bền vững vùng DTTS&MN.

- Triển khai sâu rộng, toàn diện, đồng bộ hoạt động tuyên truyền, phù hợp với từng vùng, miền; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN thực hiện CSDT, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng; trật tự an toàn xã hội; xây dựng nông thôn mới và thực hiện mục tiêu Thiên niên kỷ về xóa đói giảm nghèo; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; đẩy lùi các tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội; kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu của các thế lực thù địch, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2020, công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN phấn đấu đạt:

- 90% hộ đồng bào các dân tộc vùng DTTS&MN được cung cấp đầy đủ thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; được phổ biến, giáo dục pháp luật.

- 90% đồng bào các dân tộc được tuyên truyền nâng cao nhận thức về CSDT; được cung cấp thông tin phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới; đồng bào vùng biên giới được tuyên truyền, giáo dục an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, nâng cao ý thức cảnh giác với âm mưu của các thế lực thù địch chống phá nước ta.

- 100% báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng tuyên truyền về CTDT hàng năm; được cung cấp tài liệu (sách, báo, tạp chí, băng, đĩa...).

- 100% các huyện; 90% xã, phường; 80% thôn, bản vùng DTTS&MN được bổ sung, nâng cấp hoặc mua sắm trang thiết bị thông tin truyền thông.

- Trên 90% cán bộ làm công tác tuyên truyền trong hệ thống cơ quan CTDT được tập huấn, bồi dưỡng về quản lý công tác tuyên truyền CTDT.

4. Đối tượng, phạm vi, thời gian thực hiện Đề án:

4.1. Đối tượng:

- Tuyên truyền đến đồng bào các dân tộc ở địa bàn vùng DTTS&MN; già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào DTTS;

- Đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên, cộng tác viên, cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang làm công tác vận động quần chúng trên địa bàn vùng DTTS&MN, biên giới.

- Cán bộ, công chức trong hệ thống cơ quan CTDT và cơ quan tuyên truyền của các Bộ, ngành Trung ương, đơn vị có liên quan; học sinh, sinh viên các trường dân tộc nội trú, các cơ sở đào tạo vùng DTTS&MN.

4.2. Phạm vi thực hiện Đề án:

- Đề án được triển khai trên địa bàn vùng DTTS&MN, trong phạm vi 52 tỉnh, thành phố có đông đồng bào DTTS trong cả nước.

- Nằm trong khung hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 2020, Đề án mang tính chiến lược về tuyên truyền vùng DTTS&MN; trên cơ sở các nhiệm vụ của Đề án, các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương quản lý, chỉ đạo xây dựng kế hoạch tuyên truyền và các hoạt động truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ của mình, nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền, góp phần thúc đẩy vùng DTTS&MN phát triển nhanh, bền vững.

4.3. Thời gian thực hiện Đề án:

- Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2016 đến hết năm 2020.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án vào quý IV năm 2020.

IV. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến giáo dục pháp luật; đổi mới công tác tuyên truyền về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc

1.1. Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng; các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của

Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực CTDT; phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với 3 khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ.

b) Xây dựng kế hoạch, định hướng và hướng dẫn thực hiện công tác tuyên truyền chung về lĩnh vực CTDT hàng năm thuộc phạm vi của Đề án. bổ sung những nội dung, nhiệm vụ tuyên truyền mới cho phù hợp với thực tiễn.

c) Xây dựng chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS&MN, vùng ĐBKK giai đoạn 2016-2020.

d) Xây dựng kế hoạch tập huấn, hội thảo, biên tập tài liệu tuyên truyền về CTDT và CSDT cho các đối tượng, theo chủ đề, chuyên đề phù hợp với 3 khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ ở vùng DTTS&MN.

e) Tiếp tục Chương trình "Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới giai đoạn 2016-2020".

1.2. Đẩy mạnh thông tin đối ngoại về lĩnh vực CTDT; quảng bá hình ảnh cộng đồng các dân tộc Việt Nam với bạn bè quốc tế.

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện công tác thông tin đối ngoại về CSDT của Việt Nam với bạn bè quốc tế; tuyên truyền xúc tiến hợp tác với các tổ chức quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ, viện trợ, tài trợ các nguồn vốn đầu tư vào vùng DTTS&MN, vùng ĐBKK.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền về các cam kết, thỏa thuận của Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế về lĩnh vực CTDT; kết quả giảm nghèo bền vững và kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách đặc thù vùng DTTS&MN.

c) Biên tập tài liệu và tập huấn cho phóng viên, biên tập viên phụ trách chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề giới thiệu, quảng bá di sản và bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam với bạn bè khu vực và quốc tế.

1.3. Đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên truyền:

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền các đề án, CSDT giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng các chương trình thông tin, truyền thông về CTDT, tình hình vùng DTTS&MN, qua Cổng Thông tin điện tử của UBDT; định hướng và quản lý công tác tuyên truyền hệ thống từ Trung ương đến địa phương.

b) Xây dựng chương trình, cơ chế phối hợp tuyên truyền; đổi mới nội dung tuyên truyền thiết thực, phù hợp với từng vùng, miền; xây dựng kế hoạch và biên tập tài liệu tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến.

c) Tăng cường tuyên truyền miệng, phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực phản động; vận động đồng bào không nghe theo kẻ xấu; cảnh giác trước âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ, hận thù dân tộc; tăng thời lượng, mở chuyên trang, chuyên mục, tập trung tuyên truyền vào các vấn đề cần thiết liên quan đến vùng DTTS&MN.

2. Tuyên truyền phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; phổ biến kiến thức quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ; quản lý và khai thác bền vững tài nguyên, môi trường sinh thái

2.1. Tuyên truyền phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo:

a) Tuyên truyền kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2021;

b) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình xây dựng nông thôn mới; các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững vùng DTTS&MN;

c) Xây dựng kế hoạch tập huấn, hội thảo; biên tập tài liệu tuyên truyền các CSDT thực hiện ở vùng DTTS&MN, vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBKK, biên giới.

d) Biên tập sổ tay, tài liệu và tập huấn cho phóng viên, biên tập viên phụ trách chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về CSDT; phổ biến kiến thức quản lý kinh tế, sản xuất, chế biến sản phẩm hàng hóa; chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng, miền.

2.2. Tuyên truyền nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu:

a) Đổi mới tuyên truyền phát triển sản xuất; bảo vệ rừng, môi trường sinh thái; tiếp tục phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới".

b) Mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền mô hình phát triển kinh tế trang trại, chăn nuôi; mô hình kinh doanh giỏi trong vùng DTTS&MN.

2.3. Phổ biến khoa học, kỹ thuật, công nghệ:

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kết quả ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, thiên tai phù hợp với đặc thù vùng DTTS&MN.

b) Biên soạn tài liệu hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ bằng song ngữ, nâng cao hiểu biết cho đồng bào để tăng sản lượng và năng suất lao động; giới thiệu sản phẩm thương hiệu, tạo việc làm, thay đổi nhận thức cho đồng bào các dân tộc vùng DTTS&MN, vùng ĐBKK.

c) Xây dựng cơ chế chính sách thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, chế biến tại các vùng DTTS&MN.

3. Tuyên truyền về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; giáo dục nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS&MN

3.1. Tuyên truyền bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc:

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc; gắn kết bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch.

b) Tuyên truyền giữ gìn và phát huy tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội của các DTTS; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

c) Xây dựng kế hoạch và biên soạn tài liệu tuyên truyền nét đẹp văn hóa các DTTS: phong tục, tập quán; dân ca, dân vũ; nghệ thuật truyền thống, nghề cổ truyền; ẩm thực; nghi lễ truyền thống; hương ước, quy ước của bản, làng, dòng họ gắn liền với tín ngưỡng, tâm linh, mang đặc trưng của từng dân tộc.

d) Tuyên truyền xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh ở mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong các phong tục, tập quán, việc cưới, việc tang, lễ hội...

e) Đẩy mạnh tuyên truyền đến các văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng và đồng bào sáng tạo, trao truyền sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật và các giá trị văn hóa dân tộc.

3.2. Tăng cường giáo dục, đào tạo nâng cao dân trí; tuyên truyền hướng nghiệp, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS&MN.

a) Tuyên truyền giáo dục, đào tạo nâng cao dân trí và chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể chất cho đồng bào.

b) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền hướng nghiệp, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS&MN.

4. Tuyên truyền về quốc phòng, an ninh cho đồng bào hiểu rõ và cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

4.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chủ quyền, an ninh biên giới, chủ quyền biển, hải đảo Việt Nam:

a) Xây dựng cụm thông tin đối ngoại tại khu vực cửa khẩu biên giới, tuyên truyền phản bác các luận điệu xuyên tạc chính sách của Đảng, Nhà nước.

b) Xây dựng Chương trình phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, đường biên, cột mốc; thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

c) Xây dựng kế hoạch, biên soạn tài liệu tuyên truyền về quan hệ hữu nghị ở các vùng biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia; phối hợp ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết hữu nghị; tăng cường trấn áp bọn khủng bố, tội phạm xuyên biên giới, quốc gia.

4.2. Tuyên truyền phát huy truyền thống đoàn kết của các dân tộc:

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với "xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; "Ngày vì người nghèo"; "Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường".

b) Tuyên truyền chủ trương, chính sách phát huy vai trò của người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc,

c) Tuyên truyền về việc tổ chức "Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc"; tăng cường quyền bình đẳng giữa các dân tộc, về nhân quyền, dân chủ; tổ chức tuyên truyền Đại hội Đại biểu DTTS toàn quốc lần thứ II năm 2020.

d) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền chính sách tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của mỗi tôn giáo.

4.3. Tuyên truyền chính sách sắp xếp ổn định dân cư, giảm thiểu tình trạng di cư tự do:

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, hội thảo, tập huấn, biên tập tài liệu về cơ chế chính sách gắn với thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; bố trí ổn định cuộc sống, giảm tỷ lệ nghèo cho đồng bào cả nơi đi, nơi đến.

b) Tuyên truyền tham gia thực hiện Chương trình bố trí dân cư khu vực biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia,

4.4. Tuyên truyền pháp luật về phòng chống ma túy:

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền; tăng cường phối hợp thông tin về tình hình phạm tội và tệ nạn ma túy phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh.

b) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, hội thảo, tập huấn, biên tập tài liệu về phòng chống ma túy và tác hại của ma túy trong vùng DTTS&MN.

4.5. Nâng cao năng lực hệ thống chính trị ở cơ sở:

a) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền nâng cao chất lượng thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" gắn với thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức hồ Chí Minh".

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đạt chuẩn; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết.

c) Tuyên truyền ổn định quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào DTTS.

5. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên, phóng viên, cộng tác viên và người có uy tín; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền ở cơ sở

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tuyên truyền về nghiệp vụ chuyên môn, về CTDT và CSDT.

b) Xây dựng chương trình bồi dưỡng, tập huấn hàng năm về CTDT và CSDT cho đội ngũ cán bộ tuyên truyền, báo cáo viên, người có uy tín.

c) Xây dựng chương trình, biên tập tài liệu tuyên truyền về CTDT phù hợp với vùng, miền, trang bị cho đội ngũ cán bộ tuyên truyền vùng DTTS&MN.

d) Xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp Cổng thông tin điện tử của UBDT, đảm bảo họp trực tuyến trong hệ thống cơ quan CTDT; Xây dựng và đầu tư Báo Dân tộc và Phát triển điện tử, Tạp chí Dân tộc điện tử.

e) Xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị hệ thống phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, phục vụ tuyên truyền ở cơ sở.

g) Xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ và tiêu chí đảm bảo cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, báo cáo viên, tuyên truyền viên ...; tuyên truyền có hiệu quả về công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ.

6. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền CTDT phù hợp đối với từng khu vực, vùng, miền và đối tượng

6.1. Đối với khu vực Tây Bắc:

a) Căn cứ 5 nhiệm vụ của Đề án, xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền phù hợp với tình hình dân tộc và thực tiễn ở khu vực Tây Bắc; tăng cường công tác quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền; đổi mới nội dung và kết hợp tuyên truyền miệng với các hình thức khác.

b) Tập trung nhiệm vụ trọng tâm:

- Tuyên truyền về phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, ổn định cuộc sống; chú trọng tuyên truyền phát triển kinh tế các xã ĐBKK, xã biên giới với Trung Quốc và Lào; tuyên truyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong đồng bào các dân tộc.

- Tuyên truyền chính sách sắp xếp ổn định dân cư, nhất là dân di cư do Lào trao trả; giảm thiểu tình trạng di cư tự do; tuyên truyền xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; giảm thiểu tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới; tuyên truyền phòng, chống tệ nạn ma túy và đấu tranh chống buôn lậu và vận chuyển ma túy;

- Tuyên truyền chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; tuyên truyền chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, không theo tà đạo Dương Văn Mình và các tà đạo khác...;

- Tuyên truyền xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; xây dựng kế hoạch đào tạo, bòi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở và cán bộ làm công tác tuyên truyền về CTDT và CSDT.

6.2. Đối với khu vực Tây Nguyên:

a) Căn cứ 5 nhiệm vụ của Đề án, xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền phù hợp với tình hình thực tiễn vùng DTTS khu vực Tây Nguyên; tăng cường công tác quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền; đổi mới nội dung và kết hợp tuyên truyền miệng với các hình thức khác.

b) Tập trung nhiệm vụ trọng tâm:

- Tuyên truyền về phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, ổn định cuộc sống; chú trọng tuyên truyền phát triển kinh tế các xã ĐBKK, xã biên giới với Lào và Cămpuchia; giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đồng bào DTTS tại chỗ; tạo niềm tin và đồng thuận xã hội.

- Tuyên truyền chính sách sắp xếp ổn định dân di cư vào địa bàn; tuyên truyền xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; ngăn chặn vượt biên trái phép sang Cămpuchia và Lào; tuyên truyền chống buôn lậu và vận chuyển ma túy;

- Tuyên truyền chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của bọn phản động Fulro, kích động đồng bào ly khai, chia rẽ dân tộc; tuyên truyền chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, không theo "Tin lành Đề ga", tà đạo "Hà Mòn";

- Tuyên truyền xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở và cán bộ làm công tác tuyên truyền về CTDT và CSDT.

6.3. Đối với khu vực Tây Nam Bộ:

a) Căn cứ 5 nhiệm vụ của Đề án, xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền phù hợp với tình hình thực tiễn vùng DTTS khu vực Tây Nam Bộ; tăng cường công tác quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền; đổi mới nội dung và kết hợp tuyên truyền miệng với các hình thức khác.

b) Tập trung nhiệm vụ trọng tâm:

- Tuyên truyền về phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, chú trọng tuyên truyền phát triển kinh tế các xã ĐBKK, xã biên giới với Cămpuchia; giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đồng bào DTTS, nhất là tạo niềm tin và đồng thuận xã hội.

- Tuyên truyền chính sách sắp xếp ổn định dân cư địa bàn biên giới với Cămpuchia; tuyên truyền xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; ngăn chặn vượt biên trái phép sang Cămpuchia và Lào; phòng chống buôn lậu và vận chuyển ma túy;

- Tuyên truyền chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy vai trò của các chùa Khmer, sư sãi và các chức sắc tôn giáo, người có uy tín;

- Tuyên truyền chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của bọn phản động "Khmer Kampuchia Krôm", lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và ngăn chặn kích động hận thù, ly khai, chia rẽ dân tộc, các chức sắc tôn giáo cực đoan xuyên tạc lịch sử của "Vương quốc Chăm pa";

- Tuyên truyền xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở và cán bộ làm công tác tuyên truyền về CTDT và CSDT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí:

- Kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước đảm bảo. Giai đoạn 2016 - 2020: Khoảng 75 tỷ đồng.

- Kinh phí được lồng ghép từ các chương trình chính sách khác.

- Huy động thêm nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Giải pháp và cơ chế thực hiện.

a) Ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án từ các nguồn:

Căn cứ nhiệm vụ của Đề án các Bộ, ngành Trung ương lập dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm

quyền xem xét, quyết định và được giao trong dự toán hàng năm của các Bộ. ngành Trung ương.

Đối với nhiệm vụ của các địa phương, kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quy định tại Luật Ngân sách nhà nước; đối với các địa phương khó khăn phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương hằng năm lập dự toán đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ theo tỷ lệ phù hợp để thực hiện Đề án.

Kinh phí quản lý, điều hành của các Bộ, ngành, địa phương theo Đề án, hàng năm xây dựng trong kế hoạch dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn kinh phí xã hội hóa để thực hiện Đề án: Huy động đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các địa phương căn cứ vào nhiệm vụ của Đề án và chức năng nhiệm vụ đã được phân công, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện của Bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn 2016 - 2020 và cụ thể hóa kế hoạch hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Đề án về UBDT để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.:

1. Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ Đề án cả giai đoạn và hàng năm; định hướng tuyên truyền về CTDT và CSDT thuộc phạm vi của Đề án; chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Đề án;

- Định hướng và kiểm soát nội dung, thời lượng phát sóng chương trình dân tộc, thông tin về CTDT và CSDT trên Đài truyền hình (VTV5) và Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV4) theo nhiệm vụ của Đề án;

- Thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS&MN, vùng ĐBKK giai đoạn 2016 – 2020, theo nhiệm vụ của Đề án;

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch tập huấn, hội thảo, biên tập tài liệu tuyên truyền về CTDT và CSDT cho các đối tượng, theo chủ đề, chuyên đề phù hợp với 3 khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ ở vùng DTTS&MN;

- Chủ trì tổng kết và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án; rút kinh nghiệm và bổ sung, điều chỉnh nội dung, kế hoạch tuyên truyền; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Đề án.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương chỉ đạo các cơ quan báo chí xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục về CTDT, thông tin phổ biến pháp luật, CSDT trên báo đài; dành thời lượng đưa chuyên mục, tin, bài về các nhiệm vụ của Đề án; chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổng hợp kế hoạch; bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

4. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổng hợp dự toán; hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ trong Đề án, phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.

5. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ 3 của Đề án hàng năm.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ 2 và nhiệm vụ 4.3 của Đề án hàng năm.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ 2 và nội dung nhiệm vụ 4.3 của Đề án hàng năm.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ 2 và nội dung nhiệm vụ 2.3 của Đề án hàng năm

9. Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng:

Chủ trì, phối hợp với UBDT và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ 4 của Đề án hàng năm.

10. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) có kế hoạch triển khai, lồng ghép đối với vùng dân tộc có tôn giáo (Khmer, Chăm...) xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ 4.2d của Đề án hàng năm.

11. Các Bộ, ngành liên quan khác, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được phân công, chủ động có kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án này và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về UBDT để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

12. Các địa phương, căn cứ vào điều kiện, đặc điểm, vùng miền, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; Tỉnh ủy, UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Đề án này trên địa bàn của mình; bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, huy động các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật; tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm mà địa phương cần phải giải quyết để đạt mục tiêu của Đề án.

13. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội chỉ đạo, định hướng, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ Đề án của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền.

14. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với UBDT triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án trong các cơ quan, đơn vị thành viên các cấp.

15. Đề nghị các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan có kế hoạch chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn quản lý; tập trung nhiệm vụ 6 của Đề án này.

16. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, báo chí Trung ương và địa phương, các báo thực hiện Quyết định 2472 và 1977 của Thu tướng Chính phủ chủ động phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan có kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

17. Các cơ quan quản lý nhà nước về công tác tuyên truyền, truyền thông có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo Đề án này; phối hợp định hướng nội dung tuyên truyền; kết hợp tuyên truyền miệng với các hình thức cổ động, trực quan, giao lưu văn hóa và tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh, truyền hình, báo điện tử, báo in và các tài liệu tuyên truyền...

18. Các đoàn thể chính trị - xã hội, hội, hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho cá nhân, đơn vị và hội viên của mình các nhiệm vụ tuyên truyền theo Đề án này; động viên đoàn viên, hội viên tích cực tham gia tuyên truyền đồng bào thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về CTDT và CSDT.

UBDT kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vùng DTTS&MN giai đoạn 2016 - 2020" để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTCP Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- BTCN và các TTPCN UBDT;
- Cổng thông tin điện tử UBDT;
- Lưu: VT, Vụ Tuyên truyền (5b).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM



Nông Quốc Tuấn